

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 16/9/2020.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Văn Bình**

Ông **Trần Đình Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tráng** là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quốc Y**, sinh năm: 1976; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Linh**, sinh năm: 1976; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A; địa chỉ: Số 169, Phường Y TP H.

Người được ủy quyền: Ông **Dương Lê L**, sinh năm 1980 - Chức vụ phó giám đốc. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Y trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị L kết hôn với nhau vào ngày 17/5/2001 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện TC. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ bất đồng, vợ chồng không tin tưởng tôn trọng nhau nên vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 02/2020 đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày

20/10/2001; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2008 và Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013. Anh Nguyễn Quốc Y có nguyện vọng nuôi các cháu Nguyễn Thị Kim Chi, sinh ngày 30/8/2013 và cháu Nguyễn Thị Thanh Tú, sinh ngày 28/01/2008 và không yêu cầu chị Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp được nuôi 01 người con thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013. Cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/10/2001 đã trên 18 tuổi, trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ: Anh Nguyễn Quốc Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về số nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu*) là nợ chung của vợ chồng vay vào năm 2015 để mua bò về chăn nuôi. Nay ngân hàng yêu cầu người đứng tên trong khế ước là anh Nguyễn Quốc Y trả nợ, thì anh đồng ý một mình anh trả nợ cho Ngân hàng A số tiền 50.000.000đồng gốc và tiền lãi theo hợp đồng, anh không yêu cầu chị Lê Thị L phải trả.

Ý kiến bị đơn chị Lê Thị L:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc Y kết hôn với nhau vào ngày 17/5/2001 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện TC. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị sinh con một bề, sinh 03 người con gái, mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Tình cảm vợ chồng là đang còn, chị đang thương yêu chồng do đó chị không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Quốc Y. Trường hợp anh Nguyễn Quốc Y kiên quyết xin ly hôn thì chị phải chịu.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/10/2001; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2008; Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013. Trường hợp vợ chồng mà ly hôn thì chị có nguyện vọng nuôi cả ba người con và không yêu cầu anh Nguyễn Quốc Y cấp dưỡng nuôi con và chị tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của con.

Về chia tài sản chung của vợ chồng: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản chung của vợ chồng có tổng trị giá là 1.944.500.000đồng (*Một tỷ, chín trăm bốn bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*) như trong đơn yêu cầu chị đã nộp cho Tòa án. Số tài sản này chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật cho vợ chồng.

Về nợ chung vợ chồng: Nợ Ngân hàng A số tiền gốc 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu*); Nợ Ngân hàng B số tiền gốc 350.000.000đồng (*Ba trăm năm mươi triệu*). Chị Lê Thị L đề nghị Tòa án chia tài sản cho chị thì chị mới có tiền trả nợ cho ngân hàng.

Ý kiến Ngân hàng A: Năm 2015 vợ chồng anh Nguyễn Quốc Y, chị Lê Thị L vay Ngân hàng A số tiền gốc là 50.000.000đồng, mục đích vay vốn để mua bò chăn nuôi. Tiền lãi tính đến ngày 16/9/2020 là 338.709đồng. Tổng nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 16/9/2020 là 50.338.709đồng. Nay ngân hàng yêu cầu người đứng tên trong sổ vay vốn là anh Nguyễn Quốc Y trả nợ cho ngân hàng cả gốc và lãi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không đến Tòa án làm việc theo thông báo của Tòa án tại một số buổi làm việc, không ký nhận một số văn bản tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Quốc Y được ly hôn chị Lê Thị L.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2008 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013 cho anh Nguyễn Quốc Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc Y và chị Lê Thị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/10/2001 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án án giải quyết nên không xem xét.

Về chia tài sản: Anh Nguyễn Quốc Y không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Chị Lê Thị L có đơn yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, nhưng chị Lê Thị L không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án đã ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện cho chị Lê Thị L là đúng theo quy định của pháp luật do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Lê Thị L có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, buộc anh Nguyễn Quốc Y trả số nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu*) tiền lãi tính đến ngày 16/9/2020 là 338.709 đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Quốc Y và chị Lê Thị L là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TC vào ngày 17/5/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì anh Nguyễn Quốc Y khẳng định là tình cảm vợ chồng là không còn, vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 02 năm 2020, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị L.

Chị Lê Thị L thừa nhận thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị sinh con một bề, mâu thuẫn giữa nàng dâu và mẹ chồng. Tình cảm vợ chồng là đang còn, chị đang thương yêu chồng nên chị không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Quốc Y, nhưng anh Nguyễn Quốc Y kiên quyết xin ly hôn thì chị phải chịu.

Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Quốc Y và chị Lê Thị L chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc Y, xử cho anh được ly hôn với chị Lê Thị L là đúng với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 người con là chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/10/2001; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2008 và Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013.

Anh Nguyễn Quốc Y có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013 và cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2008 và không yêu cầu chị Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp được nuôi 01 người con thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013. Cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/10/2001 đã trên 18 tuổi, trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến chị Lê Thị L: Trường hợp anh Nguyễn Quốc Y kiên quyết xin ly hôn thì chị có nguyện vọng nuôi cả ba người con và không yêu cầu anh Nguyễn Quốc Y cấp dưỡng nuôi con và chị tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của con.

Nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2008 là muốn được ở với chị Lê Thị L. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013 thì tại biên bản ghi lời khai ngày 31/8/2020 thì cháu có nguyện vọng là muốn được ở với anh Nguyễn Quốc Y. Tại phiên tòa thì cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013 lại có ý kiến là muốn được ở với chị Lê Thị L.

Hội đồng xét thấy anh Nguyễn Quốc Y, chị Lê Thị L đều là giáo viên và có công việc, thu nhập ổn định, cả hai người đều đủ điều kiện về mọi mặt để trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, do đó giao cho mỗi người nuôi một cháu là hợp lý. Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2008 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013 cho anh Nguyễn Quốc Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của con; phù hợp với nguyện vọng của con và đúng với quy định tại các Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Quốc Y, chị Lê Thị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/10/2001 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về chia tài sản và nợ: Anh Nguyễn Quốc Y không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của bị đơn chị Lê Thị L về việc yêu cầu chia tài sản và nợ:

Ngày 27/6/2020 chị Lê Thị L có đơn yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng có giá trị 1.944.500.000 đồng (*Một tỷ, chín trăm bốn bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng A số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu*); Nợ Ngân hàng B số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu*). Số tài sản trên và nợ chung chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật cho vợ chồng.

Ngày 30/6/2020 Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 81/TB -TA và đã tổng đạt hợp lệ cho chị Lê Thị L vào ngày 01/7/2020 nhưng hết hạn nộp tiền tạm ứng án phí thì chị L không nộp tiền tạm ứng án phí mà có đơn xin hoãn nộp tiền tạm ứng án phí.

Ngày 14/7/2020 Tòa án tiếp tục ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 82/TB - TA và đã tổng đạt hợp lệ cho chị Lê Thị L vào ngày 14/7/2020, nhưng hết hạn nộp tiền tạm ứng án phí thì chị không nộp tiền tạm ứng án phí mà lại tiếp tục có đơn xin hoãn nộp tiền tạm ứng án phí.

Do đã hết thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí quy định tại khoản 2 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà chị Lê Thị L không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án và chị Lê Thị L không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Ngày 31/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương đã ra Thông báo về việc trả lại đơn khởi kiện.

Ngày 13/7/2020 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc trả lại đơn khởi kiện số 81/TB-TA ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương cho chị Lê Thị L và trả lại đơn yêu cầu giải quyết về tài sản cho chị nhưng chị không nhận.

Ngày 07/8/2020 Tòa án đã nhận được đơn khiếu nại của chị Lê Thị L, nội dung là khiếu nại về việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện.

Ngày 14/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương đã mở phiên họp giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện của chị Lê Thị L.

Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 01/2020/QĐGQ-KN ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương đã quyết định: Giữ nguyên Thông báo về việc trả lại đơn khởi kiện số 81/TB-TA ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương.

Tại phiên tòa chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì chị mới đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Quốc Y. Hội đồng xét xử xét thấy chị Lê Thị L là người có đơn yêu cầu giải quyết về chia tài sản, thuộc trường hợp phải nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng đã hết thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà chị không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, chị Lê Thị L không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện cho chị, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét yêu cầu về chia tài sản của chị Lê Thị L trong vụ án này. Chị Lê Thị L có quyền khởi kiện vụ án yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến Ngân hàng A về việc yêu cầu anh Nguyễn Quốc Y là người đứng tên trong sổ vay vốn trả số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/9/2020 là 338.709đồng thì thấy rằng: Căn cứ vào sổ vay vốn và các tài liệu, chứng cứ mà ngân hàng cung cấp thì số nợ trên là nợ chung của vợ chồng anh Nguyễn Quốc Y, chị Lê Thị L. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì ngân hàng có ý kiến là muốn anh Nguyễn Quốc Y là người đứng tên trong sổ vay vốn trả số nợ trên. Ý kiến anh Nguyễn Quốc Y thì anh cũng đồng ý một mình anh trả toàn bộ số nợ gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 16/9/2020 là 338.709đồng cho ngân hàng, anh không yêu cầu chị L phải trả số nợ trên. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh Nguyễn Quốc Y trả toàn bộ số nợ 50.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 16/9/2020 là 338.709đồng cho Ngân hàng A là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với Ngân hàng B không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ mà chị Lê Thị L kê khai và đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Quốc Y được ly hôn chị Lê Thị L.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2008 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Giao con chung là Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 30/8/2013 cho anh Nguyễn Quốc Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Nguyễn Quốc Y và chị Lê Thị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Nguyễn Quốc Y có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu*) và tiền lãi tính đến ngày 16/9/2020 là 338.709đồng (*Ba trăm ba tám ngàn, bảy trăm linh chín đồng*). Tổng cả gốc và lãi là: **50.338.709đồng** (*Năm mươi triệu, ba trăm ba tám ngàn, bảy trăm linh chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay (bên phải thi hành án) còn phải tiếp tục còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Y phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 2.516.000 (Hai triệu, năm trăm mười sáu ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) theo biên lai số 0004376 ngày 19/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

